

**TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI**

# **ĐẠO TIN LÀNH CÓ PHẢI LÀ MỘT TÔN GIÁO CỦA HÀN QUỐC? MỘT TRĂM NĂM CÁC HỘI THÁNH TIN LÀNH Ở TRIỀU TIÊN**

HEUNG SOO KIM<sup>(\*)</sup>

**T**am giáo có vai trò quan trọng trong việc định hình văn hóa Triều Tiên<sup>(1)</sup>. Phật giáo và Nho giáo đã có những ảnh hưởng to lớn đến sự hình thành các nhà nước Phật giáo hoặc Nho giáo ở Triều Tiên hơn 1.500 năm qua. Còn Saman giáo không góp phần tạo ra một hình thái nhà nước nhất định mặc dù nó có ảnh hưởng lớn đến đời sống người dân Triều Tiên. Trong bối cảnh tôn giáo như vậy, đạo Tin Lành ở Triều Tiên đã tồn tại hơn 100 năm. Nhìn bề ngoài, lịch sử truyền bá Phúc Âm trong xã hội Triều Tiên có vẻ như gặp nhiều khó khăn.

Tuy nhiên, Kitô giáo đã có được thành công rực rỡ ở Triều Tiên. Kể từ khi Công giáo Roma được truyền tới Triều Tiên năm 1784, và đạo Tin Lành năm 1884, Kitô giáo đã trở thành tôn giáo lớn thứ hai ở Triều Tiên sau Phật giáo. Các số liệu thống kê gần đây cho thấy, số tín hữu của các hội thánh Tin Lành có khoảng 10 triệu trong tổng số 47 triệu dân ở Nam Triều Tiên (tức Hàn Quốc - ND). Chắc chắn rằng, Kitô giáo ở Hàn Quốc không chỉ hiện hữu một cách cao độ mà còn năng động trong việc truyền

giáo cũng như trong đời sống chính trị của người dân. Ngay cho dù hiện nay ảnh hưởng của Kitô giáo có vẻ như đang hiện diện ở khắp Hàn Quốc thì cũng không cần thiết phải nói rằng Kitô giáo là một tôn giáo có nét đặc thù của Hàn Quốc. Bài viết này đi theo lịch sử Hội Thánh Tin Lành Hàn Quốc (Korean Protestant church) để trả lời câu hỏi liệu Tin Lành giáo ở Hàn Quốc có phải là một tôn giáo đã Hàn Quốc hóa.

\*. Tiến sĩ Kim (Đại học Quốc Gia Seoul) là Trưởng khoa Thần học và là chuyên gia về lịch sử Hội Thánh Hàn Quốc ở khoa Thần học, Đại học Mokwon, Daejeon, Hàn Quốc. Tiến sĩ Kim cũng có địa vị cao ở Đại học Boston, Hoa Kỳ, và hiện nay là Chủ tịch Hội Lịch sử Hội Thánh Hàn Quốc. Các ấn phẩm và đối tượng nghiên cứu của ông là Lịch sử Hội Thánh Hàn Quốc và Mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội. Bài báo này được in lại trên Tạp chí *Phúc Âm Thần học*, tập 30, số 2 (tháng 4/2006) tr. 162-168 (Evangelical Review of Theology, Vol. 30, N°. 2, April, 2006, pp. 162-168) theo sự cho phép của *Tạp chí Nghiên cứu Học thuật Châu Á - Thái Bình Dương*, tập 1, số 1 (tháng 02/2004), tr. 108-115 (Asia-Pacific Journal of Interdisciplinary Studies, Vol. 1, N°. 1 (February 2004), pp. 108-115).

1. Từ Triều Tiên mà tác giả dùng ở đây (Korea) là toàn bộ bán đảo Triều Tiên, bao gồm Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên và Đại Hàn dân quốc (Hàn Quốc) hiện nay, nhưng tùy từng văn cảnh cụ thể mà chúng tôi dịch hoặc là Triều Tiên, hoặc là Hàn Quốc (chú thích của người dịch).

### 1. Sự khởi đầu của đạo Tin Lành

Cùng với việc mở cửa đất nước cho các nhà tư bản ngoại quốc, các nhà truyền giáo nước ngoài cũng tràn vào Triều Tiên từ năm 1884. Các nhà truyền giáo đạo Tin Lành đầu tiên bắt đầu những nỗ lực truyền giáo ở Triều Tiên thuộc Hội Thánh Trưởng Lão Hoa Kỳ và Hội Thánh Giám Lý Hoa Kỳ, sau đó là Hội Thánh England (1890), Trưởng Lão Australia (1889), Trưởng Lão Canada (1898) và Chính Thống giáo Nga (1898). Chính vì các hoạt động truyền giáo đầu tiên đều thuộc Hội Thánh Trưởng Lão và Hội Thánh Giám Lý nên hiện nay đa số các hội thánh ở Triều Tiên đều thuộc phái Trưởng Lão và phái Giám Lý.

Vào thời điểm các nhà truyền giáo Phương Tây đầu tiên đến Triều Tiên thì một hội thánh Tin Lành hội đủ yếu tố tam tự: “tự quản”, “tự dưỡng” và “tự truyền” hiển nhiên là một hội thánh địa phương. Một hội thánh địa phương như vậy là mục tiêu của truyền giáo Tin Lành. Tư duy truyền giáo này được làm sáng tỏ tại Hội nghị Truyền giáo Thế giới ở Edinburgh năm 1910. Theo đó, mục tiêu hàng đầu của các hội truyền giáo là phải tạo ra các hội thánh tam tự trên thực tế ở mọi khu vực<sup>(2)</sup>.

Mô hình hội thánh địa phương cũng là mục tiêu của các nhà truyền giáo khi mới đến Triều Tiên. Đầu những năm 1890, các nhà truyền giáo, đặc biệt là các nhà truyền giáo thuộc Hội Thánh Trưởng Lão, đã đưa ra các nguyên tắc truyền giáo, gọi là *Phương pháp Nevius*. Phương pháp này đặt theo tên của John L. Nevius, người đã truyền giáo tới Trung Quốc và thăm Triều Tiên năm 1890. Các nguyên tắc truyền giáo của Nevius như sau: (1) Nhấn mạnh vai trò truyền giáo

của mỗi tín hữu Tin Lành; (2) Nhấn mạnh yếu tố tự quản; (3) Đề cao yếu tố tự dưỡng. Bên cạnh những nguyên tắc trên, Hội Thánh Triều Tiên cũng chú trọng tới nữ giới và tầng lớp lao động.

Mặc dù các nhà truyền giáo Mỹ ở Triều Tiên cũng nhấn mạnh các yếu tố “tam tự” trong việc truyền giáo, nhưng họ chưa hẳn đã là người đưa đến sự biến động ở Triều Tiên. Ở giai đoạn đầu, các nhà truyền giáo Mỹ tung ra một phong trào tinh thần chống lại các tôn giáo truyền thống ở Triều Tiên kéo dài nhiều thập niên<sup>(3)</sup>. Arthur Judson Brown, Thư kí Thường trực Ban Truyền giáo nước ngoài của Hội Thánh Trưởng Lão ở Hoa Kỳ từ năm 1895 đến năm 1929, cho rằng các nhà truyền giáo Mỹ cũng ép buộc các hội thánh ở Triều Tiên phải gắn nhãn theo trào lưu chính thống của Mỹ. Hoạt động truyền giáo tiêu biểu trong 25 năm đầu sau khi Triều Tiên mở cửa là “sự thận trọng trong thần học và phê phán Kinh Thánh, đồng thời ông giữ vững quan điểm thời tiền hoàng kim về sự tái xuất hiện của Đấng Cứu Thế. Sự phê phán và thần học giải phóng được coi là những vấn đề dị giáo nguy hiểm”<sup>(4)</sup>.

2. William A. Smalley. *Sự gắn bó văn hóa của hội thánh địa phương*, trong: *Viễn cảnh về hoạt động của Kitô giáo Thế giới*, Ralph D. Winter, Steven C. Hawthorne (biên tập), Pasadena, CA: William Carey Library, 1981, tr. 494; *Từ điển Phong trào Giáo hội toàn cầu*, Geneva: WCC Publications, 1991, tr. 325.

3. Sung-Deuk Oak. *Hội nhập Kitô giáo ở Triều Tiên: Ứng xử của các nhà truyền giáo Mỹ đối với tôn giáo ở Triều Tiên, 1884-1910*, Luận văn Tiến sĩ Thần học, Boston University School of Theology, 2002, tr. 742. Đương nhiên, cuộc vận động chống lại tôn giáo ở Triều Tiên không phải là toàn bộ câu chuyện. Một số nhà truyền giáo nhìn nhận lịch sử tôn giáo ở Triều Tiên là một phần của lịch sử cứu thế.

4. Arthur Judson Brown. *Quyển làm chủ Viễn Đông* (The Mastery of Far East), New York: Charles Scribner's Sons, 1919, tr. 540.

Ở giai đoạn đầu lịch sử đạo Tin Lành ở Triều Tiên, thần học nhấn mạnh vào tính độc quyền hơn là tính độc nhất của Phúc Âm, đặc biệt là trong các hội thánh Trưởng Lão. Tuy nhiên, kiểu thần học này có vẻ thờ ơ với sự gắn kết về văn hóa và xã hội theo tinh thần Phúc Âm. Theo đó, sự chia tách giữa văn hóa tôn giáo truyền thống và Phúc Âm Kitô giáo được nhấn mạnh hơn khả năng tìm kiếm những điểm gắn kết giữa chúng. Mặc dù cũng có những hội truyền giáo và nhà truyền giáo ngoại lệ, nhưng nói chung, mẫu số chung của Kitô giáo Triều Tiên giai đoạn đầu có tính chất chủ nghĩa cá nhân hơn là tính xã hội. Điều này cho thấy đạo Tin Lành Mỹ hiện diện ở Triều Tiên thời gian đầu mang tính chất phi chính trị, cá nhân và độc quyền. Từ những ngày đầu tiên cho tới nay, đạo Tin Lành Mỹ theo kiểu này đã hình thành nên những luồng thần học quan trọng ở Triều Tiên.

## 2 Cơ sở lịch sử của thần học Triều Tiên

Gần thời điểm Kitô giáo được truyền bá vào Triều Tiên thì đất nước này đang phải đối mặt với nguy cơ xâm chiếm của Nhật Bản. Thực dân Nhật ngay từ đầu đã không tin các hội thánh vì khuynh hướng chủ nghĩa dân tộc đang dâng cao trong giới Kitô giáo. Các nhà truyền giáo khuyến các hội thánh nên kiểm chế và cố gắng tránh bị lôi cuốn vào các phong trào chống Nhật. Cuối cùng, họ cũng thành công trong việc phá vỡ tính chính trị hóa trong các hội thánh Triều Tiên thông qua các cuộc họp thức tỉnh lòng mộ đạo đầu những năm 1900. Các cuộc thức tỉnh lòng mộ đạo này nhằm tìm kiếm những trải nghiệm tôn giáo thuần khiết, cố gắng đề cao thông điệp Kitô

hữu, và vì vậy mà phá vỡ tính quốc gia hóa của đạo Tin Lành ở Triều Tiên.

Tuy nhiên, nhiều tín hữu đạo Tin Lành ở Triều Tiên tham gia vào các cuộc đấu tranh chống Nhật, rồi bị bắt và bị tra tấn. Ngày 01/3/1919, *Phong trào Giành Độc lập Toàn quốc* được thành lập để chống lại chính phủ thuộc địa. Phong trào này do những thường dân Triều Tiên, các mục sư, cùng những tín đồ *Chondogyo*<sup>5)</sup> đứng ra tổ chức. 16 trong số 33 người kí vào *Bản Tuyên ngôn độc lập* là những người lãnh đạo Tin Lành giáo. Các nhóm Tin Lành tổ chức từ 25 đến 38 % các cuộc mít tinh và biểu tình trên khắp đất nước<sup>6)</sup>. Tại thời điểm đó, người Tin Lành giáo chỉ chiếm 1,5% dân số Triều Tiên. Phong trào Độc lập năm 1919 là đỉnh điểm của việc tham gia chính trị của Kitô giáo ở Triều Tiên. Liên quan đến vấn đề này, đạo Tin Lành ở Triều Tiên có thể được biện giải ở một chừng mực nào đó bằng các hiệp hội Cơ Đốc nhân có tình cảm với chủ nghĩa dân tộc Triều Tiên. Theo sau Phong trào Độc lập năm 1919 và sự thất bại của phong trào, những người Tin Lành giáo đã mất đi vai trò lãnh đạo của họ trong cuộc đấu tranh chống Nhật, nên các hội thánh phải đối mặt với một loạt các cuộc khủng hoảng bên trong và bên ngoài. Ở bên trong là việc giới thanh niên và các nhóm gắn với chính trị rời bỏ hội thánh vì những người lãnh đạo hội thánh ngày càng trở nên thờ ơ với chính trị và bảo thủ về mặt tôn giáo, mặc dù chỉ có một số ít tín đồ theo chủ nghĩa

5. Chondogyo là một tôn giáo mới phát triển rộng rãi ở bán đảo Triều Tiên cuối thế kỉ XIX.

6. Lee Man Yol. *Hankuk Kidokkyowa Minzokuyesik* (Korean Christianity and National Consciousness, tạm dịch: Tin Lành giáo Triều Tiên và sự thức tỉnh dân tộc), Seoul: Zisiksanupsa, 1991, tr. 349-350.

xã hội Kitô giáo trong phạm vi hội thánh. Hiện tượng thuyết thần bí bất bình thường đã quét qua các nhóm Kitô giáo cuối thập niên 20 và thập niên 30 của thế kỉ XX. Ở bên ngoài là sau năm 1935, các hội thánh phải đối mặt với một loạt vấn đề trước yêu cầu của Nhật Bản phải để hội thánh theo Thần đạo (Shinto).

Kể từ sau khi giành được độc lập năm 1945, các hội thánh lại phải chịu đựng thêm một lần nữa, lần này là vì cuộc chiến tranh Triều Tiên 1950 - 1953. Cuộc chiến tranh Triều Tiên là một trong những sự kiện bất hạnh nhất ở Triều Tiên trong thế kỉ XX. Người dân Triều Tiên đã trải qua điều mà các nhà tâm lí học xã hội mô tả là "hội chứng bất hạnh" do hậu quả của chiến tranh và sự tàn phá lan rộng cũng như mất mát trong cuộc sống. Vì phải chịu đựng nhiều như vậy nên nhiều người Triều Tiên mang hi vọng đức tin Kitô giáo sẽ cứu giúp họ thoát khỏi bất cứ tai họa nào, và các hội thánh đã cho họ những thông điệp về sự an ủi và sự may mắn về vật chất. Hàng trăm ngàn người ẩn náu trong các hội thánh nơi họ nhận được những nguồn an ủi. Những nhóm người này tiếp tục theo truyền thống vị lợi của những người theo Saman giáo Triều Tiên, một hiện tượng tôn giáo phát triển trong môi trường tâm lí và văn hóa Triều Tiên thời hậu chiến. Hội Thánh Phúc Âm Toàn Vẹn (Full Gospel Church) ở Seoul, giáo đoàn lớn nhất trên thế giới, đại diện cho kiểu theo Kitô giáo này. Mục sư sáng lập hội thánh này, Paul Yonggi Cho, phát đi thông điệp nhấn mạnh về sức khỏe và sự sung sướng về vật chất của Thiên Chúa trong cuộc sống hiện tại. Hội thánh này năng nổ trong sứ mệnh truyền giáo và

nhấn mạnh tới thần học mục vụ phát triển hội thánh (Pastoral Theology of Church Growth).

Trong khi đa số tín hữu Kitô giáo vẫn còn là bầy chiên của các nhà thờ/giáo hội ít liên quan tới xã hội, thì những người theo đạo Tin Lành ở Hàn Quốc đã đồng cảm với chủ nghĩa dân tộc và sự phát triển dân chủ. Một trang sử mới về sự phản kháng và ràng buộc chính trị bắt đầu khi chế độ Rhee Syngman bị lật đổ năm 1960, tiếp nối đó là một cuộc bầu cử gian lận. Park Chung Hee nắm quyền kiểm soát Hàn Quốc bằng quyền lực quân sự từ năm 1961. Tuy nhiên, Park Chung Hee không liên minh với những người Tin Lành giáo ở Hàn Quốc. Sự đối lập gia tăng khi chế độ độc tài quân sự ngăn cấm tất cả các phe phái chính trị đối lập, và sử dụng chiêu bài an ninh quốc gia như một lí do để hạn chế sự tự do chỉ trích Park, nhiều người trong số họ đã ở trong hội thánh.

Sự phản đối của các hội thánh đối với Park Chung Hee làm khuấy động vấn đề nhân quyền và hệ tư tưởng phát triển - những vấn đề tạo ra khoảng cách giữa người giàu và người nghèo. Các hội thánh, đặc biệt là phe chống đối trong hội thánh, vẫn tiếp tục phản đối Park Chung Hee và những người kế nhiệm. Park Chung Hee bị ám sát năm 1979. *Tuyên ngôn Tin Lành giáo Hàn Quốc năm 1973* và *Tuyên ngôn Thần học Tin Lành Hàn Quốc năm 1974* tiêu biểu cho phong trào phản kháng của các hội thánh. Nhóm phản kháng này trong những năm 1980 liên kết với giới lãnh đạo hội thánh và thường sử dụng các phương tiện của hội thánh. Bởi vậy, nhóm này tin vào bốn phần của một người tín hữu là phải đấu tranh vì sự công bằng về

kinh tế và xã hội. Cuộc đấu tranh này tạo ra một kiểu thần học mới theo phong cách Hàn Quốc, gọi là thần học *Minjung*.

Tự do, hương vị của độc lập, và cuộc chiến tranh Triều Tiên tạo ra cho các nhà thần học Hàn Quốc cơ hội phản ánh một con đường mới về xã hội Hàn Quốc. Một số nhà thần học tranh biện về các đặc điểm văn hóa khác biệt của Hàn Quốc, và điều này trở nên rõ ràng hơn vào đầu những năm 1960<sup>(7)</sup>. Đặc biệt là họ phải đấu tranh với vấn đề làm thế nào để tiếp cận nghiên cứu thần học trong bối cảnh văn hóa phi Kitô giáo chiếm ưu thế ở Hàn Quốc. Vấn đề này tiến triển thành vấn đề địa phương hóa thần học, một vấn đề khích lệ các nhà thần học nghiên cứu các tôn giáo truyền thống như Nho giáo, Phật giáo và Saman giáo.

### 3. Các khuynh hướng thần học ở Hàn Quốc hiện nay

Các nỗ lực về mặt thần học ở Hàn Quốc hiện nay có thể được chia thành 2 khuynh hướng: một khuynh hướng theo truyền thống thần học Phương Tây và một khuynh hướng cố gắng phát triển nền thần học Hàn Quốc (Thần học bản xứ - ND). Khuynh hướng sau lại chia thành các nhánh: thần học Minjung và thần học Mục vụ Phát triển Hội Thánh (Pastoral Theology of Church Growth)<sup>(8)</sup>.

*Thần học bản xứ* (Indigenization Theology)

Như đã đề cập, không có sự phát triển tiếp biến thần học Hàn Quốc trong giai đoạn trước chiến tranh. Thậm chí ở giai đoạn hậu chiến, những người theo chủ nghĩa tự do thần học ở các trường dòng của Hội Thánh Trưởng Lão và Hội Thánh Giám Lý cũng bận rộn với việc giới thiệu

thần học Phương Tây và dịch tài liệu của các tác giả thần học Phương Tây sang tiếng Hàn. Vào những năm 1960 nảy sinh phong trào diễn giải Phúc Âm cho phù hợp với tình hình Hàn Quốc. Các nhà thần học Giám Lý là những người tiên phong trong việc hình thành nền thần học bản xứ, đặc biệt là trong các nghiên cứu về Nho giáo và Saman giáo ở Hàn Quốc. Họ quan tâm đến việc làm thế nào để các hạt giống Phúc Âm có thể in sâu và phát triển trên nền văn hóa Hàn Quốc. Chẳng hạn, Giáo sư Pyun Sun Whan nổi tiếng với sự nhấn mạnh của ông về đối thoại Phật giáo - Kitô giáo, và đa dạng tôn giáo. Điều này dẫn tới việc ông bị một số người đứng đầu Hội Thánh Giám Lý kết tội dị giáo năm 1982 và bị trục xuất khỏi Hội Thánh năm 1993.

Thần học bản xứ là một nỗ lực Hàn Quốc hóa Tin Lành giáo, bằng cách ấy làm cho Tin Lành giáo phù hợp với môi trường văn hóa Hàn Quốc. Tuy nhiên, sự phát triển của thần học bản xứ có vẻ như đe dọa các nhà thần học bảo thủ. Họ răn đe chống lại việc truyền bá thần học tự do, loại thần học mà theo logic của họ đòi hỏi Tin Lành giáo phải điều chỉnh cho phù hợp với tình hình, lịch sử và văn hóa địa phương. Họ cho rằng đối thoại với các tôn giáo khác và tìm hiểu về các tôn giáo khác chỉ quan trọng trong chừng mực gia nhập đạo và việc biến đổi mới có thể xảy ra.

7. Ryu Tong Shik. *Rough Road to Theological Maturity*, in *Asian Voices in Christian Theology*, ed. Rerald H. Anderson, Maryknoll, New York, Orbit Books, 1976, p. 171.

8. Trong bài viết này, tác giả không bàn đến truyền thống thần học Phương Tây của Tin Lành giáo ở Hàn Quốc, mà chỉ bàn đến hai khuynh hướng trong thần học bản xứ của Tin Lành giáo ở Hàn Quốc - ND).

### 3.1. Thần học Minjung (thần học bình dân)

Trong khi vấn đề địa phương hóa thần học chủ yếu liên quan đến văn hóa Hàn Quốc thì thần học Minjung nảy sinh từ tình hình chính trị-xã hội Hàn Quốc giữa những năm 1970. Minjung là một từ trong ngôn ngữ Hàn dùng để chỉ “nhân dân” hoặc “quần chúng”, nhưng chính xác là đề cập đến người bị áp bức, người nghèo, hoặc người bị gạt ra ngoài lề xã hội. Đó là sự phản ứng về mặt thần học đối với kẻ áp bức, và là sự hưởng ứng của Minjung với Hội Thánh Hàn Quốc và sứ mệnh của nó. Trong khi thần học Minjung, với tư cách là sản phẩm thần học của Hàn Quốc, chỉ là một phong trào thiểu số thậm chí ngay trong cả giới trí thức đương thời thì nó đã và đang có ảnh hưởng sâu rộng đối với Tin Lành giáo Hàn Quốc.

Thần học Minjung cho rằng, lịch sử của nhân dân Hàn Quốc là lịch sử bị áp bức và vỡ mộng, loại lịch sử đưa đến một bộ óc đơn nhất, gọi là *han*, một sự tức giận dồn nén liên quan đến sự chịu đựng và nỗi thất vọng của những người bị áp bức (minjung). Các nhà thần học Minjung đọc và diễn giải Kinh Thánh, lịch sử Hội Thánh và lịch sử Hàn Quốc vì những trải nghiệm chịu đựng và *han*, và với cách nhìn của người nghèo cũng như người bị áp bức, bởi vậy, nhận thấy minjung là những chủ thể của lịch sử. Tầm quan trọng cốt lõi của thần học Minjung là khái niệm minjung là chủ thể của lịch sử và là vị cứu tinh (Chúa Cứu thế). Bên cạnh lịch sử, các nhà thần học Minjung cũng coi văn hóa Hàn Quốc như âm nhạc, kịch và vũ hội hóa trang (masked dances) là một nguồn lực giải phóng dân tộc.

### 3.2. Thần học Mục vụ Phát triển Hội Thánh

Trong khi các nhà thần học Minjung biện hộ cho sự liên can của hội thánh trong sự thay đổi xã hội thì những người được gọi là minjung của các hội thánh Hàn Quốc lại mong muốn lựa chọn những thông điệp tái cam kết và an ủi của Tin Lành giáo trong xã hội lộn xộn này. Khuynh hướng này về phía những người Tin Lành giáo trông chờ sự an ủi hơn là sự công bằng được khích lệ bằng định hướng Saman giáo của Tin Lành giáo Hàn Quốc cũng như ý niệm/khái niệm “suy nghĩ tích cực” của Robert Schuller. Sự phát triển tín đồ Tin Lành giáo ở quốc gia này bắt nguồn từ chủ nghĩa thực dụng của Donald A. McGavran theo trường phái phát triển hội thánh kết hợp Trường dòng Thần học Fuller (Fuller Theological Seminary) ở Pasadena, California, Hoa Kỳ.

Cũng nên lưu ý rằng, đầu những năm 1970, số lượng tín đồ Tin Lành ở Hàn Quốc khoảng 2 triệu người, nhưng tới đầu những năm 1980, con số này đã tăng lên gần 10 triệu. Sự nhấn mạnh vào suy nghĩ tích cực và “ban phúc cho thế giới này” là sự bổ sung quan trọng đối với đặc điểm của chủ nghĩa bảo thủ trước đó. Bởi vậy, các nhóm mới này hứa hẹn không chỉ chiến thắng ở thế giới sắp tới mà còn có sự thành công cụ thể ở thế giới hiện hữu và ngay tức khắc. Không giống như thần học Minjung, thần học Mục vụ Phát triển Hội Thánh không đưa ra được sự gắn kết với những căn nguyên gây ra nghèo đói và tha hóa. Trường phái phát triển hội thánh của Trường dòng Thần học Fuller có ý nghĩa hơi khác ở Hàn Quốc khi hiểu theo định hướng Saman giáo này.

#### 4. Kết luận

Tin Lành giáo đã trải qua sự phát triển đáng kể ở Hàn Quốc và thậm chí đã tạo ra một loại thần học theo phong cách Hàn Quốc, gọi là thần học Minjung. Theo cách nhìn của các nhà quan sát nước ngoài, Tin Lành giáo giờ đây dường như là một tôn giáo của người dân Hàn Quốc và không còn là một tôn giáo nhập khẩu. Năm 1986, Donald Clark đã viết rằng “các hội thánh hiện nay là các hội thánh Hàn Quốc hóa với những sắc màu tổ chức và thần học lặp lại các tôn giáo ở Hàn Quốc”<sup>(9)</sup>. Đương nhiên, các tôn giáo này là Saman giáo và Nho giáo. Min Kyung Bae, sử gia nổi tiếng về lịch sử Hội Thánh Hàn Quốc, trong cuốn *Hankuk Kidokoe-hoesa* (Lịch sử Hội Thánh Hàn Quốc) cho rằng, Hội Thánh Hàn Quốc là tấm gương của Hội Thánh dân tộc với ý nghĩa năng động trong cuộc đấu tranh chính trị giành độc lập dân tộc từ sự thống trị thuộc địa của Nhật Bản.

Bài viết này đã chỉ ra lịch sử Hội Thánh Hàn Quốc là lịch sử cùng chung sống với nhân dân Hàn Quốc bị áp bức. Vì vậy, Min Kyung Bae nhấn mạnh bản sắc dân tộc của Hội Thánh với tư cách là một tôn giáo của Hàn Quốc. Yong-Bock Kim lại cho rằng, Hội Thánh Hàn Quốc là Hội Thánh Minjung và có thể được hiểu một cách chính xác từ khía cạnh minjung. Ông nhấn mạnh các sứ điệp Kitô giáo được người dân tiếp nhận đã được lịch sử hóa và trở thành ngôn ngữ chính trị-tôn giáo của nhân dân bị áp bức từ khi có Tin Lành giáo ở Triều Tiên<sup>(10)</sup>. Không thể phủ nhận rằng, hiện nay, Tin Lành giáo là một tôn giáo của Hàn Quốc. Điều này được dựa trên thực tế là tôn giáo này đã và đang phục vụ nhân

dân Hàn Quốc cả về khía cạnh là Hội Thánh dân tộc lẫn Hội Thánh Minjung, và rằng tôn giáo này đã tái cấu trúc hình ảnh Saman giáo ở Hàn Quốc. Tin Lành giáo ở Hàn Quốc đã tạo ra một loại thần học theo ngôn ngữ riêng của nó, chẳng hạn như thần học Minjung.

Mặc dù, hiện nay đạo Tin Lành là một tôn giáo của Hàn Quốc theo nhiều cách khác nhau, nhưng vấn đề còn lại là đạo Tin Lành, ở một mức độ nào đó, đã hình thành và phát triển tính cách của người dân Hàn Quốc. Chẳng hạn, Ryu Tong Shik cho rằng các tôn giáo góp phần hình thành tính cách của người dân Hàn Quốc hiện nay là Saman giáo và Nho giáo. Quan điểm của Ryu đại diện cho các nhà thần học bản xứ. Tác giả này lập luận rằng, đạo Tin Lành là một tôn giáo của Hàn Quốc nhưng nó vẫn còn xa lạ với người dân Hàn vì nó vừa là một tín ngưỡng xa lạ, vừa có thái độ loại trừ văn hóa Hàn Quốc. Vì vậy, đa số các hội thánh ở Hàn Quốc chủ yếu làm công việc phát triển tín đồ ở các cộng đồng không Tin Lành giáo. Trong trường hợp này, không phải là vấn đề đạo Tin Lành có phải là một tôn giáo của Hàn Quốc về mặt thần học hay văn hóa hay không. Vấn đề này cần tiếp tục thảo luận./

Người dịch: *Nguyễn Bình.*  
(Viện Nghiên cứu Tôn giáo)

9. Donald N. Clark. *Kitô giáo ở Hàn Quốc hiện đại* (Christianity in Modern Korea), Lanham, MD: University Press of America, 1986, tr. 51. Cũng xem: David Martin. *Tongues of Fire*, Oxford, UK/Cambridge, MA: Blackwell, 1990.

10. Kim, Yong Bock. *Messiah and Minjung: Discerning Messianic Politics over against Political Messiahism*, in *Minjung Theology*, ed. Kim Yong Bock, Singapore: CCA Publications, 1981.